

Số: 112/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 25 tháng 06 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 225/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Tòng Thị T - Sinh năm: 2000; Địa chỉ: Nơi ĐKKH: Bản M, xã T, tỉnh ĐB; Chỗ ở hiện nay: Đội H, xã T, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lường Duy Đ - Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Bản M, xã T, tỉnh Điện Biên

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 06 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tòng Thị T và anh Lường Duy Đ thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Tòng Thị T và anh Lường Duy Đ thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Nhật M sinh ngày 03/01/2025, anh Đ được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lường Thị Linh N, sinh ngày 21/5/2021 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ Khoản 3, Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T và anh Đ mỗi người phải chịu 75.000đ án phí DSST. Nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000306 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ tiền án phí DSST và được trả lại số tiền 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DB;
- VKSND Khu vực 1-DB;
- UBND xã T (Nơi đăng ký kết hôn);
- THADS tỉnh DB;
- Kế toán (để biết);
- Dương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bạc Thị Liên